

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2010

THÔNG TƯ

**Quy định việc xây dựng Báo cáo môi trường quốc gia,
Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực
và Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUY ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc xây dựng các Báo cáo hiện trạng môi trường: Báo cáo môi trường quốc gia, Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh và Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Trung ương và địa phương, các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Báo cáo hiện trạng môi trường* là báo cáo cung cấp các thông tin về hiện trạng và diễn biến môi trường, nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường và tác động tới sức khỏe con người, kinh tế xã hội, hệ sinh thái và môi trường tự nhiên, từ đó phân tích nhu cầu xây dựng các chính sách môi trường và hiệu quả của các chính sách đó.

Báo cáo hiện trạng môi trường là thuật ngữ sử dụng chung cho ba loại báo cáo: Báo cáo môi trường quốc gia, Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh và Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực.

2. *Báo cáo môi trường quốc gia* là báo cáo cung cấp các thông tin về hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường trên phạm vi toàn quốc, nguyên nhân gây ô nhiễm và tác động của chúng tới sức khỏe con người, kinh tế xã hội, hệ sinh thái và môi trường tự nhiên, từ đó phân tích nhu cầu xây dựng các chính sách môi trường quốc gia và đánh giá hiệu quả của các chính sách đó trong công tác bảo vệ môi trường quốc gia.

3. *Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh* là báo cáo cung cấp các thông tin về hiện trạng và diễn biến môi trường của địa phương, nguyên nhân gây ô nhiễm và tác động của chúng tới sức khỏe con người, kinh tế xã hội, hệ sinh thái và môi trường tự nhiên của địa phương, từ đó phân tích nhu cầu xây dựng các chính sách môi trường và đánh giá hiệu quả của các chính sách đó trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường của địa phương.

4. *Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực* là báo cáo cung cấp các thông tin về hiện trạng và diễn biến môi trường đặc trưng của ngành, lĩnh vực; nguyên nhân và tác động của chúng tới sức khỏe con người, kinh tế xã hội, hệ sinh thái và môi trường tự nhiên; từ đó phân tích nhu cầu xây dựng các chính sách môi trường và đánh giá hiệu quả của các chính sách đó trong hoạt động quản lý và bảo vệ môi trường của ngành, lĩnh vực.

5. *Báo cáo tổng thể về môi trường* là báo cáo đề cập đến tất cả các vấn đề môi trường của quốc gia, của địa phương để có được sự đánh giá tổng quát và đầy đủ về hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương với những hậu quả, nguyên nhân và diễn biến của nó.

6. *Báo cáo chuyên đề về môi trường* là báo cáo hiện trạng môi trường tập trung và đi sâu vào một chủ đề môi trường hay một thành phần môi trường đang nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội và của cơ quan quản lý môi trường.

7. *Mô hình DPSIR* là mô hình mô tả mối quan hệ tương hỗ giữa Động lực - D (phát triển kinh tế - xã hội, nguyên nhân sâu xa của các biến đổi môi trường) - Áp lực - P (các nguồn thải trực tiếp gây ô nhiễm và suy thoái môi trường) - Hiện trạng - S (hiện trạng chất lượng môi trường) - Tác động - I (tác động của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe cộng đồng, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và

môi trường sinh thái) - Đáp ứng - R (các đáp ứng của nhà nước và xã hội để bảo vệ môi trường).

8. *Chỉ thị môi trường*: là thông số cơ bản phản ánh các yếu tố đặc trưng của môi trường phục vụ mục đích đánh giá, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập báo cáo hiện trạng môi trường.

9. *Chỉ thị mô tả* là chỉ thị mô tả hiện trạng các vấn đề môi trường nổi cộm, đặc trưng cho khu vực; các chỉ thị phản ánh đúng tình trạng môi trường.

10. *Chỉ thị đánh giá* là chỉ thị so sánh các vấn đề trong thực tế của Việt Nam với những điều kiện chuẩn. Chỉ thị đánh giá thực hiện việc so sánh giữa tình hình môi trường hiện tại và những mục tiêu đặt ra (đánh giá tính khả thi để đạt được các mục tiêu đã đặt ra).

11. *Chỉ thị hiệu quả* là chỉ thị phản ánh mối quan hệ nguyên nhân – kết quả giữa các thành phần trong mô hình DPSIR. Chỉ thị hiệu quả phù hợp nhất cho quá trình hoạch định chính sách là các chỉ thị liên quan giữa áp lực môi trường (P) và các hoạt động của con người (D). Những chỉ thị này phản ánh rõ tính hiệu quả môi trường của quy trình sản xuất và của chính các sản phẩm.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường

Việc xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Xây dựng theo mô hình DPSIR.
2. Trung thực, chính xác, cập nhật.
3. Khoa học, hiện đại.
4. Rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhận biết.

Chương II

HỆ THỐNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM LẬP BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Hệ thống báo cáo hiện trạng môi trường

Hệ thống báo cáo hiện trạng môi trường bao gồm:

1. Báo cáo môi trường quốc gia.

Báo cáo môi trường quốc gia bao gồm: Báo cáo tổng thể về môi trường và Báo cáo chuyên đề về môi trường.

2. Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực.
3. Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm và thời điểm hoàn thành Báo cáo hiện trạng môi trường

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập Báo cáo môi trường quốc gia theo khoản 2, Điều 101 Luật Bảo vệ môi trường. Báo cáo được hoàn thành trước kỳ họp Quốc hội cuối cùng của mỗi năm.

Tổng cục Môi trường chịu trách nhiệm trước Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng và hoàn thành Báo cáo môi trường quốc gia theo quy định.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm lập Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo khoản 2, Điều 100 Luật Bảo vệ môi trường. Báo cáo được hoàn thành trước Báo cáo môi trường Quốc gia 6 tháng để đảm bảo cung cấp thông tin cho Báo cáo tổng thể về môi trường.

Tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm trước các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ về việc lập Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh theo khoản 2, Điều 99 Luật Bảo vệ môi trường. Báo cáo được hoàn thành trước Báo cáo tổng thể về môi trường 6 tháng để đảm bảo cung cấp thông tin cho Báo cáo tổng thể về môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc lập Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh.

Căn cứ vào tình hình môi trường và yêu cầu quản lý của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc xây dựng Báo cáo chuyên đề về môi trường trình Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp số liệu về môi trường làm cơ sở xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh và gửi báo cáo tổng hợp số liệu môi trường của địa phương cho Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Báo cáo môi trường quốc gia.

Chương III

NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Nội dung của Báo cáo hiện trạng môi trường

1. Nội dung của Báo cáo hiện trạng môi trường được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường theo khoản 1 Điều 99 đối với Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh; khoản 1 Điều 100 đối với Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực; khoản 1 Điều 101 đối với Báo cáo môi trường Quốc gia.

2. Báo cáo hiện trạng môi trường cần tập trung phân tích đánh giá vào các nội dung:

a) Các hậu quả của ô nhiễm môi trường, bao gồm: thiệt hại đối với sức khỏe cộng đồng, thiệt hại về kinh tế, thiệt hại đối với các hệ sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái nông nghiệp;

b) Những vấn đề môi trường bức bách, các điểm nóng về môi trường và các giải pháp ưu tiên để giải quyết các vấn đề này;

c) Các nội dung về hoạt động của cộng đồng, các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường.

Điều 7. Thông tin, dữ liệu trong Báo cáo hiện trạng môi trường

1. Báo cáo hiện trạng môi trường cung cấp đầy đủ những thông tin định tính và định lượng.

2. Thông tin trong mỗi chương, mục của Báo cáo phải có liên hệ chặt chẽ với thông điệp chính.

3. Sử dụng các Bộ chỉ thị môi trường để thu thập thông tin, dữ liệu. Các chỉ thị môi trường (chỉ thị mô tả, chỉ thị đánh giá, chỉ thị hiệu quả) được sử dụng trong báo cáo để truyền đạt các thông điệp của Báo cáo.

4. Tất cả các thông tin, dữ liệu trong báo cáo phải dựa trên các nguồn thống kê chính thức, được thừa nhận về mặt pháp lý.

5. Khi có sự hạn chế, thiếu hụt về dữ liệu có thể thay thế bằng việc ước tính dựa trên những dữ liệu sẵn có đã được công nhận. Khi thực hiện những ước tính cần nêu rõ các giả định và nguồn dữ liệu.

6. Các thông tin, dữ liệu trình bày trong báo cáo cần gắn với cùng một giai đoạn thời gian. Chuỗi thời gian của các chỉ số trong báo cáo hiện trạng môi trường cần có cùng số năm tham chiếu.

7. Đối với phần nội dung về xu thế, diễn biến và dự báo trong tương lai, để đảm bảo sự thống nhất trong toàn bộ nội dung của báo cáo, cần phải đưa ra một số kịch bản kinh tế - xã hội để làm cơ sở cho việc đánh giá diễn biến các vấn đề môi trường khác nhau trong tương lai.

8. Sử dụng các phương pháp so sánh, đối chiếu khi đánh giá, phân tích các vấn đề.

Điều 8. Nguồn thông tin và dữ liệu phục vụ xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường

1. Thông tin và số liệu từ các Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, của các Bộ ngành và của các Cục thống kê cấp tỉnh.

2. Thông tin và số liệu từ các kết quả quan trắc môi trường của hệ thống quan trắc môi trường quốc gia và hệ thống quan trắc môi trường của các địa phương.

3. Thông tin và số liệu từ các bộ, ngành, các sở, ban ngành liên quan.

4. Thông tin và số liệu từ các nguồn khác:

a) Kết quả quan trắc của các trạm quan trắc hoặc trung tâm quan trắc môi trường nằm ngoài hệ thống các trạm quan trắc môi trường quốc gia và địa phương;

b) Kết quả nghiên cứu, khảo sát phục vụ cho báo cáo hiện trạng môi trường;

c) Kết quả của các chương trình nghiên cứu khoa học hay đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước đã được nghiệm thu và công bố, công khai chính thức.

5. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát bổ sung về những vấn đề môi trường chuyên đề (do chính cơ quan chủ trì xây dựng báo cáo thực hiện) nhằm mục đích hỗ trợ dữ liệu cho công tác xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường.

Điều 9. Các so sánh, đối chiếu trong Báo cáo hiện trạng môi trường

Các so sánh, đối chiếu trong Báo cáo hiện trạng môi trường bao gồm:

1. So sánh sự khác biệt về quy mô, chất lượng

Trong khuôn khổ Báo cáo môi trường quốc gia, các so sánh, đối chiếu được sử dụng là so sánh giữa mức độ hoàn thành mục tiêu môi trường của quốc gia với các cam kết quốc tế, so sánh giữa các tỉnh/thành phố với nhau trong việc triển khai các mục tiêu môi trường quốc gia và so sánh, đối chiếu với các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

Trong khuôn khổ Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh và Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực, các so sánh, đối chiếu được sử dụng là so sánh giữa các doanh nghiệp cùng ngành hoặc giữa các quận/huyện thuộc tỉnh trong việc đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

2. So sánh diễn biến của các vấn đề khác nhau nhưng có liên quan với nhau (ví dụ: so sánh mức tăng GDP và lượng phát thải khí nhà kính).

3. So sánh bằng cách sử dụng các dạng dữ liệu đã được quy định chuẩn hoá (ví dụ: diễn biến lượng phát thải khí nhà kính trên mỗi đơn vị GDP).

Sau khi so sánh, đối chiếu cần xếp hạng các vấn đề, xác định những vấn đề ưu tiên và phân tích khả năng triển khai trong thực tế.

Chương IV

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

Điều 10. Các hoạt động trong quá trình xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường

1. Trong quá trình xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường cần tiến hành những hoạt động sau:

- a) Thành lập Tổ biên tập;
- b) Xây dựng khung cấu trúc (phụ lục 2, 3 và 4) và đề cương chi tiết của Báo cáo (phụ lục 1);
- c) Thu thập thông tin, số liệu, chỉ thị cần thiết;
- d) Tổ chức biên soạn Báo cáo theo khung cấu trúc;
- e) Tổ chức tham vấn các bên liên quan cho các dự thảo Báo cáo;
- f) Trình và phê duyệt Báo cáo;
- g) Gửi và công khai báo cáo.

2. Xác định và phê duyệt chủ đề đối với Báo cáo chuyên đề về môi trường.

Căn cứ vào vấn đề môi trường đang nổi cộm, được cộng đồng quan tâm, Tổng cục Môi trường đề xuất chủ đề của Báo cáo chuyên đề về môi trường trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

Điều 11. Thành lập Tổ biên tập Báo cáo

1. Theo nhu cầu thực tế, Lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường thành lập Tổ biên tập để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Nhiệm vụ của Tổ biên tập Báo cáo hiện trạng môi trường

- a) Thu thập, phân tích, xử lý số liệu; thiết kế xây dựng các đồ thị, bảng biểu, hình ảnh minh họa cho Báo cáo;
- b) Xây dựng các báo cáo thành phần theo đề cương chi tiết đã được xây dựng;
- c) Tổng hợp xây dựng các dự thảo Báo cáo; tiếp thu ý kiến tham vấn, chỉnh sửa và hoàn thiện Báo cáo.

Điều 12. Tổ chức tham vấn các bên liên quan cho các dự thảo Báo cáo

1. Báo cáo môi trường quốc gia và Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực: được gửi xin ý kiến chính thức bằng văn bản của các Bộ ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan.

2. Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh: được gửi xin ý kiến chính thức bằng văn bản của các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan tại địa phương.

Điều 13. Trình và phê duyệt Báo cáo

Đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo, cụ thể:

1. Báo cáo môi trường quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

2. Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh: do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

3. Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực: do Bộ trưởng, Thủ trưởng Bộ, ngành phê duyệt.

Điều 14. Gửi và công khai Báo cáo

1. Sau khi Báo cáo được phê duyệt, cơ quan xây dựng báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo tới cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Công khai Báo cáo hiện trạng môi trường trên trang thông tin điện tử:

a) Báo cáo môi trường quốc gia: được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh: được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành lĩnh vực: được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ, ngành.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Kinh phí cho xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường

Căn cứ quy trình, quy phạm, định mức kinh tế- kỹ thuật và chế độ chi tiêu hiện hành có liên quan, đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường từ nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường.

Điều 16. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 5 năm 2010.

2. Tổng cục Môi trường theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn chi tiết việc xây dựng các Báo cáo hiện trạng môi trường.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Trung ương và địa phương, các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng Phạm Khải Nguyên (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website của Bộ;
- Sở TN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Cường

PHỤ LỤC 1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông tư số 08 /2010/TT-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng Báo cáo môi trường quốc gia, Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực và Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh)

Chương	Thông điệp chính	Nội dung	Bảng biểu, Đồ thị, Khung minh họa	Số trang dự kiến
Các từ viết tắt				
Lời nói đầu				
Trích yếu		Giới thiệu ngắn gọn báo cáo: <ul style="list-style-type: none"> • Mục đích và phạm vi • Tại sao phải có báo cáo • Cấu trúc của báo cáo • Báo cáo được sử dụng như thế nào 		
Tên chương	Các thông điệp chính của chương (nội dung chính cần chuyển tải tới người đọc)	Đầu mục chính theo khung cấu trúc của báo cáo và nội dung dự kiến xây dựng	- Bảng biểu thống kê, đồ thị theo nội dung chương - Khung minh họa các vấn đề nhận định của chương - Hình ảnh minh họa theo chương mục	
Kết luận và khuyến nghị		- Tổng kết các vấn đề quan trọng - Các khuyến nghị chính		
Tài liệu tham khảo				

PHỤ LỤC 2. CẤU TRÚC BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA (BÁO CÁO TỔNG THỂ VỀ MÔI TRƯỜNG) VÀ BÁO CÁO HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG CẤP TỈNH

(Kèm theo Thông tư số 08 /2010/TT-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng Báo cáo môi trường quốc gia, Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực và Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh)

Danh sách những người tham gia biên soạn

Danh mục chữ viết tắt

Danh mục hình

Danh mục khung

Danh mục bảng

Lời nói đầu

Trích yếu

- Giới thiệu chung về báo cáo: mục đích, phạm vi của báo cáo; đối tượng phục vụ của báo cáo; hướng dẫn người đọc;

- Tóm tắt ngắn gọn các chương mục của báo cáo.

Chương I. Tổng quan về điều kiện tự nhiên của quốc gia/địa phương

1.1. Điều kiện địa lý tự nhiên

1.2. Đặc trưng khí hậu

1.3. Hiện trạng sử dụng đất

Chương II. Sức ép của phát triển kinh tế - xã hội đối với môi trường

Trình bày những động lực gây áp lực lên môi trường, đối với từng lĩnh vực nêu khái quát về diễn biến hoạt động, các áp lực do các hoạt động gây ra từ đó làm căn cứ đánh giá toàn diện xem những vấn đề ô nhiễm chính có nguồn gốc từ lĩnh vực nào.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

- *Khái quát tình hình phát triển và cơ cấu phân bổ các ngành, lĩnh vực*
- *Tỷ lệ đóng góp và tăng trưởng GDP của toàn ngành/tỉnh trên các lĩnh vực, so sánh qua các giai đoạn*
- *Vai trò và tác động của tăng trưởng kinh tế đến đời sống xã hội và môi trường*

2.2. Sức ép dân số và vấn đề di cư

- *Sự phát triển dân số cơ học và biến động theo thời gian*
- *Sự chuyển dịch thành phần dân cư các khu vực đô thị/nông thôn*
- *Dự báo sự gia tăng dân cư, vấn đề di cư vào các vùng đô thị*

- *Khái quát tác động của gia tăng dân số và di dân đối với môi trường*

2.3. Phát triển công nghiệp

- *Khái quát về diễn biến các hoạt động ngành*
- *Dự báo tốc độ phát triển của ngành công nghiệp khi thực hiện quy hoạch phát triển.*
- *Đánh giá mức độ tuân thủ các mục tiêu trong ngành (vấn đề quản lý môi trường)*
- *Khái quát tác động của phát triển công nghiệp đối với môi trường*

2.4. Phát triển xây dựng

- *Khái quát về diễn biến các hoạt động và áp lực của ngành*
- *Dự báo tốc độ phát triển ngành xây dựng trong tương lai.*
- *Đánh giá mức độ tuân thủ các mục tiêu trong việc phát triển xây dựng (vấn đề quản lý môi trường)*
- *Khái quát tác động của phát triển xây dựng tới môi trường*

2.5. Phát triển năng lượng

- *Khái quát về diễn biến các hoạt động và áp lực của ngành*
- *Dự báo tốc độ phát triển ngành năng lượng trong tương lai.*
- *Đánh giá mức độ tuân thủ các mục tiêu trong việc phát triển năng lượng (vấn đề quản lý môi trường)*
- *Khái quát tác động của phát triển năng lượng tới môi trường*

2.6. Phát triển giao thông vận tải

- *Khái quát về diễn biến các hoạt động và áp lực của ngành*
- *Dự báo tốc độ phát triển ngành giao thông vận tải trong tương lai.*
- *Đánh giá mức độ tuân thủ các mục tiêu trong việc phát triển giao thông vận tải (vấn đề quản lý môi trường)*
- *Khái quát tác động của phát triển giao thông vận tải tới môi trường*

2.7. Phát triển nông nghiệp

- *Khái quát về diễn biến các hoạt động và áp lực của ngành*
- *Dự báo tốc độ phát triển ngành nông nghiệp trong tương lai.*
- *Đánh giá mức độ tuân thủ các mục tiêu trong phát triển nông nghiệp (vấn đề quản lý môi trường)*
- *Khái quát tác động của phát triển nông nghiệp đối với môi trường.*

2.8. Phát triển du lịch

- *Khái quát về diễn biến các hoạt động và áp lực của ngành*
- *Dự báo tốc độ phát triển ngành du lịch khi thực hiện quy hoạch phát triển ngành.*
- *Đánh giá mức độ tuân thủ các mục tiêu bảo vệ môi trường đề ra đối với lĩnh vực phát triển du lịch (vấn đề quản lý môi trường)*
- *Khái quát tác động của phát triển du lịch đối với môi trường.*

2.9. Vấn đề hội nhập quốc tế

- *Xu thế hội nhập quốc tế của Việt Nam (hoặc địa phương)*
- *Vấn đề toàn cầu hoá tác động đến môi trường ở Việt Nam hoặc địa phương*
- *Những thách thức của Việt Nam hoặc Địa phương giữa phát triển về kinh tế và môi trường liên quan đến các thoả thuận quốc tế, các công ước Việt Nam tham gia là thành viên hoặc có nghĩa vụ phải thực hiện*
- *Hợp tác, nghĩa vụ và cam kết quốc tế, hỗ trợ của các nhà tài trợ trong lĩnh vực môi trường*

Chương III. Thực trạng môi trường nước

Từ chương III đến chương VII trình bày các động lực và các áp lực đối với từng thành phần môi trường. Trong các chương này, đối với mỗi thành phần môi trường sẽ phân tích nguồn gốc các áp lực, thực trạng ô nhiễm và các tác động do ô nhiễm gây ra. Trên cơ sở đó đưa ra những dự báo đối với vấn đề ô nhiễm từng thành phần trong tương lai.

3.1. Nước mặt lục địa

3.1.1. Tài nguyên nước mặt lục địa

3.1.2. Các nguồn gây ô nhiễm nước mặt lục địa

- *Giới thiệu ngắn gọn, định tính về cơ chế gây áp lực đến môi trường nước mặt lục địa*

3.1.3. Diễn biến ô nhiễm

- *Khái quát diễn biến chất lượng nước mặt lục địa theo các thông số cơ bản (theo QCVN).*

- *So sánh chất lượng nước mặt lục địa (thông qua các thông số cơ bản được quy định theo QCVN):*

+ *Với QCVN*

+ *Giữa các năm*

+ *giữa các phân vùng/vị trí.*

3.2. Nước dưới đất

3.2.1. Tài nguyên nước dưới đất

3.2.2. Các nguồn gây ô nhiễm nước dưới đất

3.2.3. Diễn biến ô nhiễm

- *Khái quát diễn biến chất lượng nước dưới đất theo các thông số cơ bản (theo QCVN).*
- *So sánh chất lượng nước dưới đất (thông qua các thông số cơ bản được quy định theo QCVN):*

+ *Với QCVN*

+ *Giữa các năm*

+ *giữa các phân vùng/vị trí.*

3.3. Nước biển

3.3.1. Các nguồn gây ô nhiễm nước biển

- *Giới thiệu ngắn gọn, định tính về cơ chế gây áp lực đến môi trường nước biển*

3.3.2. Diễn biến ô nhiễm

- *Khái quát diễn biến chất lượng nước biển theo các thông số cơ bản (theo QCVN).*
- *So sánh chất lượng nước biển (thông qua các thông số cơ bản được quy định theo QCVN):*

+ *Với QCVN*

+ *Giữa các năm*

+ *giữa các phân vùng/vị trí.*

3.4. Dự báo và quy hoạch phát triển liên quan đến môi trường nước

- *Dự báo mức độ ô nhiễm trong tương lai, thay đổi lượng và thành phần các áp lực chính lên thành phần môi trường*
- *So sánh mức dự báo đối với các thành phần khác để đánh giá tổng hợp về xu hướng chất lượng môi trường nói chung của toàn tỉnh/cả nước.*

Chương IV. Thực trạng môi trường không khí

4.1. Các nguồn gây ô nhiễm không khí

- *Giới thiệu ngắn gọn, định tính về cơ chế gây áp lực đến môi trường không khí*

4.2. Diễn biến ô nhiễm

- *Khái quát diễn biến chất lượng không khí theo các thông số cơ bản (theo QCVN).*
- *So sánh chất lượng không khí (thông qua các thông số cơ bản được quy định*

theo QCVN):

+ *Với QCVN*

+ *Giữa các năm*

+ *giữa các phân vùng/vị trí.*

4.3. Dự báo và quy hoạch phát triển liên quan đến môi trường không khí

- *Dự báo mức độ ô nhiễm trong tương lai, thay đổi lượng và thành phần các áp lực chính lên thành phần môi trường*
- *So sánh mức dự báo đối với các thành phần khác để đánh giá tổng hợp về xu hướng chất lượng môi trường nói chung của toàn tỉnh/cả nước.*

Chương V. Thực trạng môi trường đất

5.1. Các nguồn gây ô nhiễm và suy thoái đất

- *Giới thiệu ngắn gọn, định tính về cơ chế gây áp lực đến môi trường đất*

5.2. Hiện trạng suy thoái và ô nhiễm môi trường đất

- *Khái quát diễn biến chất lượng môi trường đất theo các thông số cơ bản (QCVN)*
- *So sánh chất lượng môi trường đất (thông qua các thông số cơ bản được quy định theo QCVN):*

+ *Với QCVN*

+ *Giữa các năm*

+ *giữa các phân vùng/vị trí.*

5.3. Dự báo và quy hoạch phát triển liên quan đến môi trường đất

- *Dự báo mức độ ô nhiễm trong tương lai, thay đổi lượng và thành phần các áp lực chính lên thành phần môi trường*
- *So sánh mức dự báo đối với các thành phần khác để đánh giá tổng hợp về xu hướng chất lượng môi trường nói chung của toàn tỉnh/cả nước.*

Chương VI. Thực trạng đa dạng sinh học

6.1. Các nguyên nhân gây suy thoái

- *Giới thiệu ngắn gọn, định tính về cơ chế gây áp lực làm suy giảm nguồn đa dạng sinh học*

6.2. Hiện trạng và diễn biến suy thoái đa dạng sinh học

- *Khái quát diễn biến của suy giảm đa dạng sinh học (S) và các tác động của nó (I)*

6.2.1. Các hệ sinh thái rừng

6.2.2. Rừng ngập mặn

6.2.3. Rạn san hô và thảm cỏ biển

6.2.4. Loài và nguồn gen

6.3. Dự báo mức độ diễn biến suy thoái đa dạng sinh học

- Dự báo mức độ suy thoái trong tương lai, thay đổi lượng và thành phần các áp lực chính lên nguồn đa dạng sinh học
- So sánh mức dự báo đối với các thành phần khác để đánh giá tổng hợp về xu hướng biến đổi đa dạng sinh học của toàn tỉnh/cả nước.

Chương VII. Quản lý chất thải rắn

7.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn đô thị và công nghiệp

- Các nguồn phát sinh chất thải rắn đô thị và công nghiệp
- Lượng thải và tính chất chất thải rắn đô thị và công nghiệp
- Dự báo lượng thải và thành phần, mức độ độc hại và ô nhiễm các chất thải rắn đô thị và công nghiệp

7.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị và công nghiệp

7.2.1. Thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị

- Tỷ lệ thu gom và phân loại các loại chất thải rắn đô thị
- Công nghệ áp dụng xử lý và mức độ hiệu quả của các quá trình xử lý chất thải rắn đô thị
- Vấn đề tái chế, tái sử dụng và thải bỏ, xử lý các loại chất thải rắn đô thị

7.2.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp

- Tỷ lệ thu gom và phân loại chất thải rắn công nghiệp
- Vấn đề tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp
- Vấn đề xử lý và thải bỏ chất thải rắn công nghiệp nguy hại

7.2.3. Thu gom và xử lý chất thải rắn y tế

- Tỷ lệ thu gom và phân loại chất thải rắn y tế
- Vấn đề xử lý và thải bỏ chất thải rắn y tế

Chương VIII. Tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường

8.1. Tai biến thiên nhiên

- Giới thiệu ngắn gọn, định tính về cơ chế gây áp lực đến môi trường cũng như tác động do tai biến thiên nhiên đến con người, hoạt động phát triển kinh tế xã hội và môi trường sinh thái.
- Khái quát hiện trạng tai biến thiên nhiên

- Các hậu quả do tai biến thiên nhiên
- Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu đề ra để khắc phục/phòng ngừa đối với tai biến thiên nhiên.

8.2. Sự cố môi trường

- Giới thiệu ngắn gọn, định tính về cơ chế gây áp lực đến môi trường cũng như tác động do sự cố môi trường đến con người, hoạt động phát triển kinh tế xã hội và môi trường sinh thái.
- Khái quát hiện trạng xảy ra sự cố môi trường
- Các hậu quả của các sự cố môi trường đã xảy ra
- Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu đề ra để khắc phục/phòng ngừa đối với sự cố môi trường.

Chương IX. Biến đổi khí hậu và các ảnh hưởng

9.1. Vấn đề phát thải khí nhà kính ở Việt Nam/Địa phương

- Phân tích đánh giá về tình hình phát thải khí nhà kính, các nguồn phát thải khí nhà kính chủ yếu ở Việt Nam/Địa phương.

9.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ở Việt Nam/Địa phương

- Phân tích, đánh giá về diễn biến vấn đề biến đổi khí hậu ở quốc gia/địa phương và các ảnh hưởng tới kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái, con người...

Chương X. Tác động của ô nhiễm môi trường

10.1. Tác động của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe con người

- Tác động tổng hợp của ô nhiễm môi trường
- Tác động do ô nhiễm môi trường nước (nước mặt lục địa, nước dưới đất và nước biển)
- Tác động do ô nhiễm môi trường không khí
- Tác động do ô nhiễm môi trường đất
- Tác động do suy thoái đa dạng sinh học
- Tác động do ô nhiễm từ chất thải rắn

10.2. Tác động của ô nhiễm môi trường đối với các vấn đề kinh tế - xã hội

- Tác động tổng hợp của ô nhiễm môi trường
- Tác động do ô nhiễm môi trường nước (nước mặt lục địa, nước dưới đất và nước biển)
- Tác động do ô nhiễm môi trường không khí
- Tác động do ô nhiễm môi trường đất

- Tác động do suy thoái đa dạng sinh học

- Tác động do ô nhiễm từ chất thải rắn

10.3. Tác động của ô nhiễm môi trường đối với các hệ sinh thái

- Tác động tổng hợp của ô nhiễm môi trường

- Tác động do ô nhiễm môi trường nước (nước mặt lục địa, nước dưới đất và nước biển)

- Tác động do ô nhiễm môi trường không khí

- Tác động do ô nhiễm môi trường đất

- Tác động do suy thoái đa dạng sinh học

- Tác động do ô nhiễm từ chất thải rắn

Chương XI. Thực trạng công tác quản lý môi trường

Chương này đánh giá tính hiệu quả và đầy đủ của các chính sách, quy định liên quan trực tiếp đến tất cả các thành phần môi trường đề cập ở các chương trước. Đánh giá về công tác quản lý môi trường cấp trung ương/địa phương trong thời gian qua (5 năm). Chương này nêu lên những vấn đề đã làm được và những vấn đề cần lưu ý trong công tác quản lý môi trường hiện nay.

11.1. Những việc đã làm được

- Về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

- Về mặt thể chế, chính sách

- Về mặt tài chính, đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường

- Về các hoạt động giám sát, quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường

- Về nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng

- Các hoạt động khác

11.2. Những tồn tại và thách thức

- Về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

- Về mặt thể chế, chính sách

- Về mặt tài chính, đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường

- Về các hoạt động giám sát, quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường

- Về nguồn lực, sự tham gia của cộng đồng

- Các hoạt động khác

Chương XII. Các chính sách và giải pháp bảo vệ môi trường

Chương này dựa vào việc đánh giá những việc đã làm được, những tồn tại và thách thức trong công tác bảo vệ môi trường trong chương X để đưa ra các nhóm

vấn đề cần ưu tiên giải quyết, từ các vấn đề tổng thể và cụ thể, từ đó xác định vấn đề tập trung ưu tiên hơn trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

12.1. Các chính sách tổng thể

- Nhóm chính sách liên quan đến động lực (các hoạt động của con người)
- Nhóm chính sách liên quan đến các ngành, các lĩnh vực
- Nhóm chính sách liên quan đến hiện trạng ô nhiễm môi trường

12.2. Các chính sách đối với các vấn đề ưu tiên

- Xếp loại các vấn đề ưu tiên
- Mức độ hiệu quả và thực thi của các vấn đề theo kế hoạch/chiến lược/quy hoạch đề ra
- Những tồn tại của các chính sách
- Đề xuất chiến lược, kế hoạch thực thi các giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng và bảo vệ môi trường trên các khía cạnh:

12.2.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường

12.2.2. Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường

12.2.3. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

12.2.4. Vấn đề tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường

12.2.5. Vấn đề nguồn lực con người, giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường

12.2.6. Các giải pháp về quy hoạch phát triển

12.2.7. Các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật

12.2.8. Các giải pháp cụ thể khác tùy theo vấn đề trọng tâm của báo cáo

Tóm tắt

Kết luận, kiến nghị

Danh mục tài liệu tham khảo

PHỤ LỤC 3. CẤU TRÚC BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ VỀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông tư số 08 /2010/TT-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng Báo cáo môi trường quốc gia, Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực và Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh)

Danh sách những người tham gia biên soạn

Danh mục chữ viết tắt

Danh mục hình

Danh mục khung

Danh mục bảng

Lời nói đầu

Trích yếu

- Giới thiệu về chủ đề báo cáo.
- Giới thiệu chung về báo cáo chuyên đề: các thông tin khái quát về mục đích, phạm vi báo cáo, lý do lựa chọn chủ đề, nhóm đối tượng của báo cáo và hướng dẫn người đọc.

Chương I. Tổng quan về vấn đề môi trường (chủ đề môi trường được lựa chọn) và các vấn đề có liên quan

- 1.1. Các thông tin tóm tắt, tổng quan giải thích các cơ chế quan trọng nhất mà vấn đề môi trường đó tác động đến điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội.
- 1.2. Các đặc điểm tự nhiên, sự phát triển kinh tế xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề môi trường được lựa chọn. Phân tích các ảnh hưởng đó.
- 1.3. Giải thích nguyên nhân trực tiếp của vấn đề (áp lực) và các động lực chính đã dẫn đến áp lực đó (các hoạt động của con người).

Chương II. Các nguồn gây ô nhiễm

- 2.1. Các chỉ thị và thông tin liên quan đến sự phát thải của các nguồn gây ô nhiễm tác động đến vấn đề môi trường (chủ đề mà báo cáo đã lựa chọn), phân tích rõ nguồn gốc các chất gây ô nhiễm từ hoạt động của các ngành/lĩnh vực hay các hoạt động khác của con người.
- 2.2. So sánh sự phát thải các chất gây ô nhiễm nói trên giữa các năm, giữa các ngành/lĩnh vực.
- 2.3. So sánh diễn biến các nguồn gây ô nhiễm so với mục tiêu giảm thiểu ô nhiễm và dự báo biến động mức độ gây ô nhiễm từ các nguồn đến chất lượng môi trường chuyên đề...

Chương III. Thực trạng môi trường của chủ đề môi trường lựa chọn

- 3.1. Thực trạng môi trường qua những thông số chính (hoặc tại những khu vực

đã xác định)

• *Trình bày diễn biến (xu hướng) của những thông số chính, đánh giá chất lượng môi trường. So sánh các giá trị của các thông số đó với tiêu chuẩn cho phép hoặc với các mục tiêu ngắn/dài hạn.*

• *Đưa ra được các thông tin, đánh giá thông số nào bị ô nhiễm nhất, ở đâu.*

3.2. Dự báo xu hướng diễn biến môi trường

• *Xây dựng kịch bản dự báo xu hướng, diễn biến môi trường trong tương lai (5 năm tiếp theo)*

Chương IV. Tác động do suy thoái môi trường

Trình bày các thông tin về tác động do suy thoái chất lượng thành phần môi trường được lựa chọn (chủ đề của báo cáo) đến:

4.1. Sức khỏe con người;

4.2. Phát triển kinh tế - xã hội;

4.3. Hệ sinh thái, các thành phần và yếu tố môi trường khác;

Chương V. Thực trạng quản lý môi trường

Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường đối với chuyên đề môi trường của báo cáo. Những việc đã làm được (thành công) và các vấn đề đáng lưu ý (những tồn tại và thách thức). Cụ thể:

5.1. Những thành công (về chính sách, luật pháp, tổ chức và triển khai hoạt động bảo vệ môi trường chuyên đề...)

5.2. Những tồn tại, thách thức (về cơ cấu quản lý, quy hoạch, luật pháp, nguồn lực, vốn đầu tư cho môi trường và triển khai hoạt động bảo vệ môi trường chuyên đề...)

Chương VI. Các giải pháp bảo vệ môi trường

Nêu lên các giải pháp, nhiệm vụ ưu tiên cần tập trung thực hiện để bảo vệ môi trường đối với vấn đề môi trường chuyên đề. Xem xét các vấn đề trọng tâm đối với bảo vệ môi trường áp dụng cho chuyên đề:

6.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường chuyên đề

6.2. Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường của chuyên đề

6.3. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường chuyên đề

6.4. Vấn đề tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường chuyên đề

6.5. Vấn đề nguồn lực con người, giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường chuyên đề

6.6. Các giải pháp cụ thể khác cho từng chuyên đề cụ thể.

Kết luận, kiến nghị

Danh sách tài liệu tham khảo

PHỤ LỤC 4. CẤU TRÚC BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Thông tư số 08 /2010/TT-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng Báo cáo môi trường quốc gia, Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực và Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh)

Danh sách những người tham gia biên soạn

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục hình

Danh mục khung

Danh mục bảng

Lời nói đầu

Trích yếu

Phần này đưa ra bức tranh tổng quan và ngắn gọn những nội dung và những vấn đề trình bày xuyên suốt báo cáo, cụ thể:

- Mục tiêu và phạm vi báo cáo
- Các căn cứ pháp lý lập báo cáo
- Đối tượng của báo cáo
- Hướng dẫn người đọc về bố cục báo cáo và giải thích về cấu trúc xây dựng báo cáo theo mô hình DPSIR
- Tóm tắt các nội dung chính, trọng tâm vấn đề sẽ trình bày trong báo cáo.

Chương I. Tình hình tăng trưởng/phát triển của ngành, lĩnh vực

Tổng quan đặc điểm của ngành/ lĩnh vực, hiện trạng và diễn biến các hoạt động phát triển có tác động đến môi trường:

1.1. Hiện trạng và phát triển sản xuất của ngành, lĩnh vực, giới thiệu quy mô, địa điểm, quá trình phát triển, công nghệ và hiệu quả sản xuất của ngành, lĩnh vực qua các năm. Tương quan giữa hoạt động phát triển và môi trường.

1.2. Sự đóng góp GDP của ngành, lĩnh vực vào GDP của quốc gia.

1.3. Vấn đề sử dụng lao động, sản xuất của ngành, lĩnh vực và xu hướng biến động lao động trong tương lai.

Chương II. Các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường

Xác định các áp lực do hoạt động của ngành, lĩnh vực lên môi trường, cụ thể:

2.1 Các nguồn thải chính (nước thải, khí thải, chất thải rắn) từ các hoạt động của các ngành sản xuất: Phạm vi và lượng phát thải vào môi trường, diễn biến

qua các năm. Chỉ ra những tác động rộng hơn của vấn đề (nếu có). Phần này có thể sử dụng những chỉ số, số liệu thống kê và ước lượng để tính toán và dự báo xu hướng phát triển của các nguồn ô nhiễm.

2.2. Các thông tin về nguồn gây ô nhiễm môi trường do ngành, lĩnh vực hoạt động tác động đến những thành phần môi trường khác (Áp lực do khai thác tài nguyên thiên nhiên, sử dụng đất...).

2.3. Hạ tầng kỹ thuật xử lý các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường của ngành, lĩnh vực:

- Hệ thống xử lý nước thải;
- Hệ thống trang thiết bị xử lý khí thải;
- Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

2.4. Dự báo mức phát thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) của ngành, lĩnh vực trong tương lai dựa vào dự báo phát triển của ngành, lĩnh vực.

Chương III. Thực trạng môi trường của ngành, lĩnh vực

Dựa vào các phân tích ở chương I và chương II, chương này phân tích thực trạng các thành phần môi trường chịu tác động từ hoạt động của ngành, lĩnh vực dựa theo các tiêu chuẩn về chất lượng môi trường và các thông tin có liên quan khác.

3.1. Môi trường không khí: Sử dụng kết quả các đợt quan trắc, kết quả đánh giá hiện trạng môi trường và các chỉ số, thông số tính toán để đánh giá hiện trạng môi trường không khí bên trong khu vực sản xuất và xung quanh các khu vực sản xuất có liên quan thuộc phạm vi quản lý của ngành, lĩnh vực. Dự báo mức ô nhiễm trong tương lai.

3.2. Môi trường nước: Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt/ nước ngầm, nguồn nước cấp/ nước thải khu vực sản xuất và khu dân cư lân cận khu vực sản xuất của ngành, lĩnh vực. Dự báo mức ô nhiễm trong tương lai.

3.3. Chất thải rắn: Đánh giá diễn biến về thành phần, lượng và mức độ nguy hại của các loại chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất của ngành, lĩnh vực. Dự báo mức ô nhiễm trong tương lai.

3.4. Các thành phần môi trường khác chịu tác động từ hoạt động của ngành, lĩnh vực: Hiện trạng, mức độ tác động, diễn biến và dự báo xu hướng diễn biến ô nhiễm trong tương lai.

Chương IV. Thực trạng quản lý môi trường của ngành, lĩnh vực

Mục tiêu phần này nêu lên những kết quả và những tồn tại, hạn chế trong hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường của ngành, lĩnh vực. Từ đó xác định những vấn đề cần tập trung và khắc phục để có thể đảm bảo song song hiệu quả trong sản xuất và bảo vệ môi trường.

4.1. Các chính sách, quy định hiện hành của ngành, lĩnh vực có liên quan đến bảo vệ môi trường (bao gồm cả các cơ chế quản lý môi trường ngành/lĩnh vực): Mức độ tuân thủ các chính sách, quy định cụ thể. Các điều kiện để thực thi các cơ chế quản lý môi trường của ngành, lĩnh vực. Nguồn lực hiện có so với yêu cầu của nhiệm vụ quản lý môi trường ngành, lĩnh vực.

4.2. Thực hiện và cưỡng chế thi hành các chính sách và quy định: Đánh giá nhu cầu thực tế, hiệu quả và những hạn chế của các phương án bảo vệ môi trường

4.3. Các giải pháp cụ thể đã được áp dụng trong bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường của ngành, lĩnh vực: Phân tích những thành quả và hạn chế tồn tại trên các phương diện:

4.3.1. Vấn đề về bộ máy quản lý môi trường chuyên trách của ngành, lĩnh vực hiện thời và vận hành hệ thống quản lý;

4.3.2. Vấn đề về thể chế, công cụ quản lý môi trường của ngành, lĩnh vực chuyên trách về bảo vệ môi trường;

4.3.3. Vấn đề áp dụng các công nghệ cải tiến, các công nghệ sản xuất sạch hơn có hiệu quả trong sản xuất và bảo vệ môi trường của ngành, lĩnh vực.

4.3.4. Vấn đề về kinh tế, phân bổ tài chính và sử dụng vốn đầu tư của các ngành/lĩnh vực đối với bảo vệ môi trường;

4.3.5. Vấn đề đào tạo nguồn lực, nâng cao ý thức và trách nhiệm dân cư khu vực ngành/lĩnh vực trong việc bảo vệ môi trường;

4.4. Vấn đề quy hoạch ngành và kết quả đạt được so với mục tiêu, chính sách ngành đề ra.

Chương V. Giải pháp bảo vệ môi trường ngành, lĩnh vực

Trình bày những mục tiêu và giải pháp quản lý của ngành, lĩnh vực một cách toàn diện, có hiệu quả, đảm bảo năng suất và tính bền vững đối với môi trường.

5.1. Xác định các ưu tiên bảo vệ môi trường của ngành, lĩnh vực: Các ưu tiên trước mắt và lâu dài của ngành/lĩnh vực.

5.2. Các giải pháp về cơ chế, chính sách;

5.3. Các giải pháp về quản lý;

5.4. Các giải pháp về kỹ thuật.

Kết luận, kiến nghị

Danh sách tài liệu tham khảo